

PHỤ LỤC 01
PHÂN BỐ CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026

Đơn vị: triệu đồng

ST T	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư/ Chủ trương đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí, giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2025	Kế hoạch đầu tư công năm 2026			Phân theo giai đoạn thực hiện dự án	
								Số văn bản	Ngày tháng ban hành	Tổng mức đầu tư/ quyết toán		Tổng số	Bổ sung có mục tiêu từ NSTP cho ngân sách đặc khu	Nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết cho ngân sách đặc khu	Vốn chuẩn bị đầu tư	Vốn thực hiện dự án
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13=14+15	14	15	16	17
	TỔNG SỐ: A+B									1.001.700	571.453	93.613,551	68.613,551	25.000	924	92.689,551
A	Chuẩn bị đầu tư											5.000		5.000	0	5.000
B	Thực hiện dự án									1.001.700	571.453	88.613,551	68.613,551	20.000	924	87.689,551
I	Phân bổ vốn cho các dự án, nhiệm vụ do UBND thành phố giao									548.168	300.688	22.799,551	8.799,551	14.000	0	22.799,551
I.1	Dự án thành phố quyết định đầu tư									153.337	115.072	10.999,551	999,551	10.000	0	10.999,551
1	Dự án đầu tư xây dựng hồ chứa nước ngọt, hệ thống thủy lợi, cấp nước sinh hoạt tại xã Phù Long, huyện Cát Hải	Đặc khu Cát Hải	Phòng giao dịch số 2 KBNN KV III	Ban QLDA đặc khu	7278184	283	2011-2025	2263 1342 1410 4071	27/12/2010 30/9/2016 23/9/2019 31/12/2024	122.606	109.484	5.999,551	999,551	5.000		5.999,551
2	Đầu tư xây dựng mới Trường THPT Cát Hải	Đặc khu Cát Hải	Phòng nghiệp vụ 1 KBNN KV III	Ban QLDA đặc khu	8129370	074	2024-2027	1506	15/5/2025	30.731	5.588	5.000		5.000		5.000
I.2	Dự án đặc khu quyết định đầu tư theo nhiệm vụ thành phố giao									394.831	185.616	11.800	7.800	4.000	0	11.800
1	Xây dựng công trình phòng thủ huyện Cát Hải	Đặc khu Cát Hải	Phòng giao dịch số 2 KBNN KV III	Ban QLDA đặc khu	7004686	011	2021-2025	12 75	15/3/2022 20/9/2024	57.710	50.752	5.000	5.000			5.000
2	Xây dựng Công viên cây xanh Khu du lịch vịnh trung tâm Cát Bà	Đặc khu Cát Hải	Phòng giao dịch số 2 KBNN KV III	Ban QLDA đặc khu	7953690	312	2022-2026	3482	18/9/2024	223.627	56.081	800	800			800
3	Đầu tư xây dựng, cải tạo, mở rộng bến phà Đồng Bài, bến phà Cái Viêng và các công trình phụ trợ	Đặc khu Cát Hải	Phòng giao dịch số 2 KBNN KV III	Ban QLDA đặc khu	8094508	292	2024-2025	3601	15/10/2024	98.504	78.504					
4	Đầu tư khắc phục các công trình vi phạm các nội dung không đảm bảo an toàn phòng cháy chữa cháy của huyện Cát Hải	Đặc khu Cát Hải	Phòng giao dịch số 2 KBNN KV III	Ban QLDA đặc khu	8107235	338	2024-2026	56	20/12/2024	14.990	280	6.000	2.000	4.000		6.000
II	Phân bổ vốn cho các dự án đặc khu quyết định đầu tư									453.532	270.765	65.814	59.814	6.000	924	64.890
II.1	Các dự án giai đoạn 2021-2024 chuyển tiếp									209.500	162.263	17.005	12.005	5.000	542	16.463

ST T	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư/ Chủ trương đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí, giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2025	Kế hoạch đầu tư công năm 2026			Phân theo giai đoạn thực hiện dự án	
								Số văn bản	Ngày tháng ban hành	Tổng mức đầu tư/ quyết toán		Tổng số	Bổ sung có mục tiêu từ NSTP cho ngân sách đặc khu	Nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết cho ngân sách đặc khu	Vốn chuẩn bị đầu tư	Vốn thực hiện dự án
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13=14+15	14	15	16	17
1	Xây dựng khu tái định cư tại TDP Hùng Sơn, thị trấn Cát Bà	Đặc khu Cát Hải	Phòng giao dịch số 2 KBNN KV III	Ban QLDA đặc khu	7666471	309	2018-2025	1604 10 2666	30/10/2017 15/3/2022 12/8/2024	113.360	90.220	8.000	5.000	3.000		8.000
2	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật tái định cư quỹ đất 10% thuộc Dự án khu đô thị du lịch Cái Giá - Cát Bà, thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải	Đặc khu Cát Hải	Phòng giao dịch số 2 KBNN KV III	Ban QLDA đặc khu	7927974	285	2022-2025	1640 4072	20/9/2023 31/12/2024	33.408	26.490	3.500	3.500		100	3.400
3	Cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải khu dân cư quanh Hồ Tùng Dinh, thị trấn Cát Bà	Đặc khu Cát Hải	Phòng giao dịch số 2 KBNN KV III	Ban QLDA đặc khu	7975370	262	2023-2025	2210	08/11/2023	48.850	33.100	5.000	3.000	2.000	300	4.700
4	Đầu tư trang thiết bị và hạ tầng kỹ thuật Trung tâm Văn hóa Thông tin Thể thao huyện	Đặc khu Cát Hải	Phòng giao dịch số 2 KBNN KV III	Ban QLDA đặc khu	8072166	161	2023-2025	904	16/4/2024	6.965	6.605	155	155		62	93
5	Hạ ngầm đường điện trung thế 35KV từ cột 224 đến cột 227 lộ 375E2.43 tại tổ dân phố Hùng Sơn, thị trấn Cát Bà	Đặc khu Cát Hải	Phòng giao dịch số 2 KBNN KV III	Ban QLDA đặc khu	8094507	312	2024-2025	3585	08/10/2024	6.917	5.848	350	350		80	270
II.2	Dự án năm 2025 chuyển tiếp									244.032	108.502	48.809	47.809	1.000	382	48.427
1	Xây dựng kè bê tông tại lô 2 Núi Ngọc, thị trấn Cát Bà	Đặc khu Cát Hải	Phòng giao dịch số 2 KBNN KV III	Ban QLDA đặc khu	8118265	312	2025-2026	248	14/02/2025	8.047	5.270	730	730		83	647
2	Đầu tư các hạng mục hỗ trợ cho hoạt động của Phố đêm Cát Bà	Đặc khu Cát Hải	Phòng giao dịch số 2 KBNN KV III	Ban QLDA đặc khu	8118263	338	2025-2026	1188	11/6/2025	4.425	1.315	2.200	1.200	1.000	80	2.120
3	Nạo vét hồ Tùng Dinh thị trấn Cát Bà	Đặc khu Cát Hải	Phòng giao dịch số 2 KBNN KV III	Ban QLDA đặc khu	8118262	278	2025-2026	724	31/3/2025	14.162	11.794	1.400	1.400		26	1.374
4	Xây dựng Trường Tiểu học và THCS Nghĩa Lộ (cơ sở 2)	Đặc khu Cát Hải	Phòng giao dịch số 2 KBNN KV III	Ban QLDA đặc khu	8107233	073	2025-2026	575	13/3/2025	91.324	32.670	7.779	7.779			7.779
5	Xây dựng Trường Mầm non Sao Mai (cơ sở 2)	Đặc khu Cát Hải	Phòng giao dịch số 2 KBNN KV III	Ban QLDA đặc khu	8107234	071	2025-2026	576	13/3/2025	57.260	33.003	4.000	4.000			4.000
6	Nâng cấp, cải tạo mặt đường, hệ thống cống thoát nước mặt từ đường Hà Sen đến đường Tùng Dinh và đường 1/4 trung tâm du lịch đặc khu Cát Hải	Đặc khu Cát Hải	Phòng giao dịch số 2 KBNN KV III	Ban QLDA đặc khu	8162076	312	2025-2026	1788	10/10/2025	14.929	5.850	4.350	4.350		74	4.276

ST T	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư/ Chủ trương đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí, giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2025	Kế hoạch đầu tư công năm 2026			Phân theo giai đoạn thực hiện dự án	
								Số văn bản	Ngày tháng ban hành	Tổng mức đầu tư/ quyết toán		Tổng số	Bổ sung có mục tiêu từ NSTP cho ngân sách đặc khu	Nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết cho ngân sách đặc khu	Vốn chuẩn bị đầu tư	Vốn thực hiện dự án
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13=14+15	14	15	16	17
7	Nâng cấp hệ thống thoát nước và đường khu tái định cư thôn Hải Sơn, đặc khu Cát Hải	Đặc khu Cát Hải	Phòng giao dịch số 2 KBNN KV III	Ban QLDA đặc khu	8162077	312	2025-2026	1785	10/10/2025	16.879	5.450	8.600	8.600		94	8.506
8	Sửa chữa, cải tạo khuôn viên, các công trình phụ trợ, nhà làm việc trụ sở HĐND-UBND đặc khu Cát Hải	Đặc khu Cát Hải	Phòng giao dịch số 2 KBNN KV III	Ban QLDA đặc khu	8162075	341	2025-2026	1786	10/10/2025	7.622	2.420	4.700	4.700			4.700
9	Sửa chữa, cải tạo nâng cấp các tuyến đường, rãnh thoát nước các đường ngõ, xóm tại các thôn thuộc địa bàn đảo Cát Hải	Đặc khu Cát Hải	Phòng giao dịch số 2 KBNN KV III	Ban QLDA đặc khu	8162074	312	2025-2026	1787	10/10/2025	4.894	1.510	1.950	1.950			1.950
10	Sửa chữa, cải tạo nâng cấp các tuyến đường, rãnh thoát nước các đường ngõ, xóm tại các thôn thuộc địa bàn đảo Cát Bà	Đặc khu Cát Hải	Phòng giao dịch số 2 KBNN KV III	Ban QLDA đặc khu	8162073	312	2025-2026	1783	10/10/2025	10.129	4.620	4.850	4.850			4.850
11	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông khu TĐC Nghĩa Lộ (dự án 8,2ha)	Đặc khu Cát Hải	Phòng giao dịch số 2 KBNN KV III	Ban QLDA đặc khu	8162072	312	2025-2026	1784	10/10/2025	10.703	4.500	5.100	5.100			5.100
12	Đầu tư hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông	Đặc khu Cát Hải	Phòng giao dịch số 2 KBNN KV III	Ban QLDA đặc khu	8129184	191	2025-2026	1884	28/10/2025	3.658	100	3.150	3.150		25	3.125

PHỤ LỤC 02
PHÂN BỐ CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 THEO LĨNH VỰC ĐẦU TƯ

Đơn vị: triệu đồng

TT	Lĩnh vực đầu tư	Số dự án	Kế hoạch đầu tư công năm 2026		
			Tổng số	Bổ sung có mục tiêu từ NSTP cho ngân sách đặc khu	Nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết cho ngân sách đặc khu
	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=4+5</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
	Tổng cộng	23	93.613,551	68.613,551	25.000
1	Chi quốc phòng	1	5.000	5.000	0
2	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội				
3	Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3	16.779,0	11.779	5.000
4	Chi Khoa học và công nghệ				
5	Chi Y tế, dân số và gia đình				
6	Chi Văn hóa thông tin	1	155	155	0
7	Chi Phát thanh, truyền hình, thông tấn	1	3.150	3.150	
8	Chi Thể dục thể thao				
9	Chi Bảo vệ môi trường	1	5.000	3.000	2.000
10	Chi các hoạt động kinh tế	13	47.829,551	38.829,551	9.000
11	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	1	4.700	4.700	0,0
12	Chi Bảo đảm xã hội				
13	Chi ngành, lĩnh vực khác	2	11.000	2.000	9.000